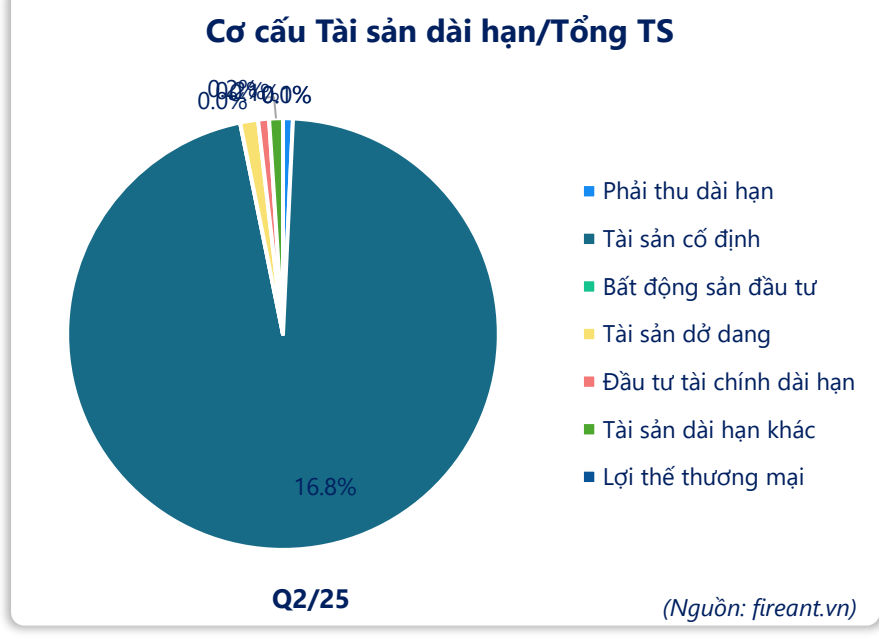
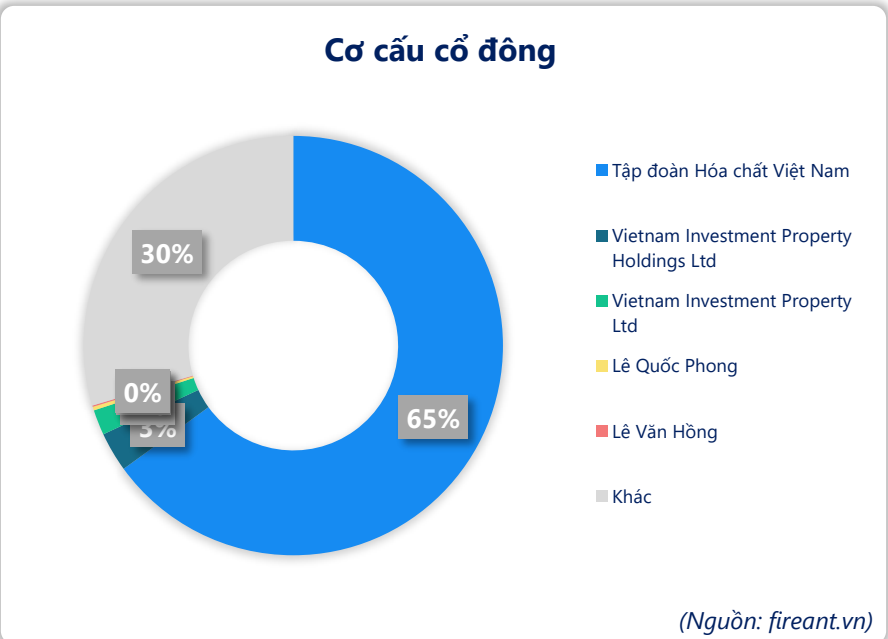
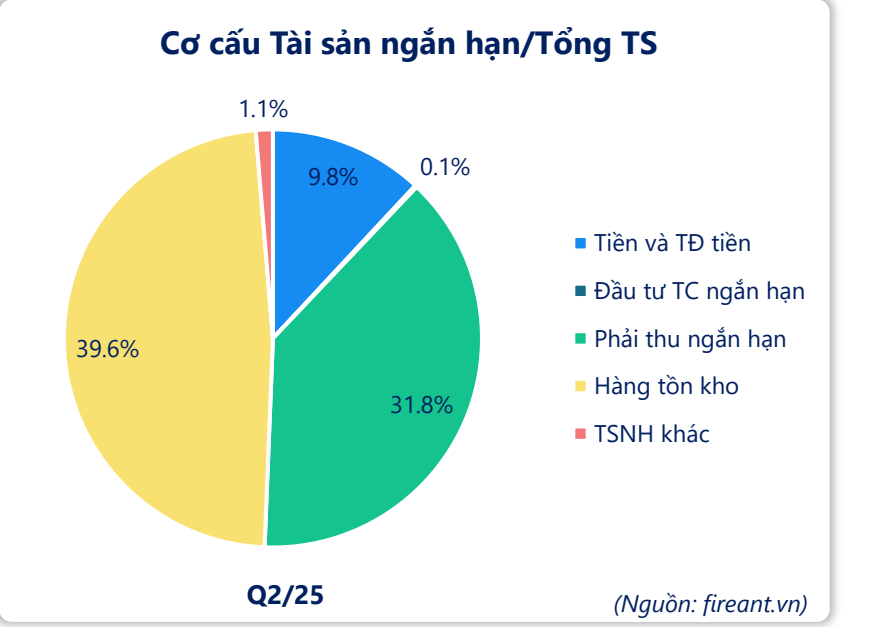
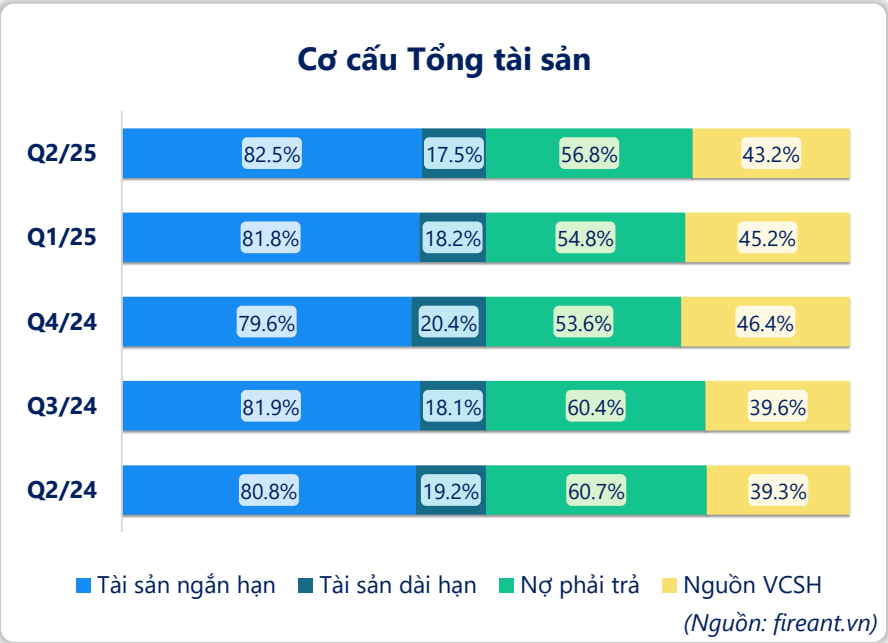
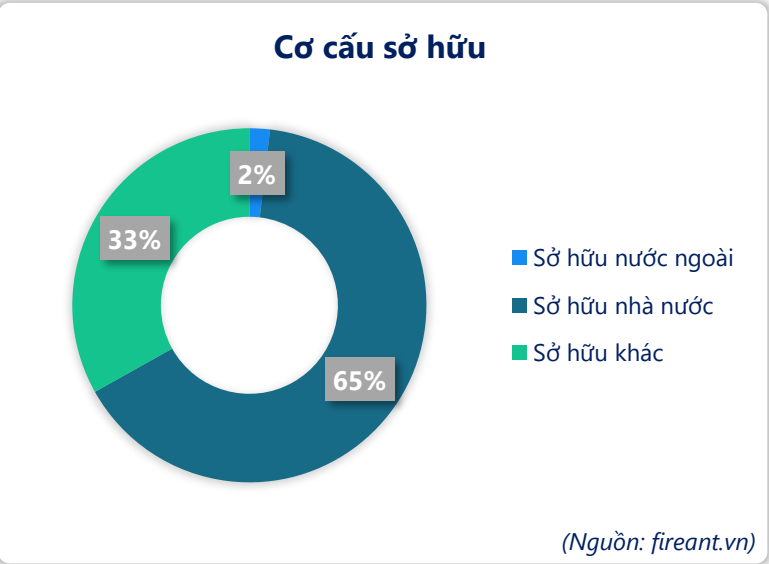
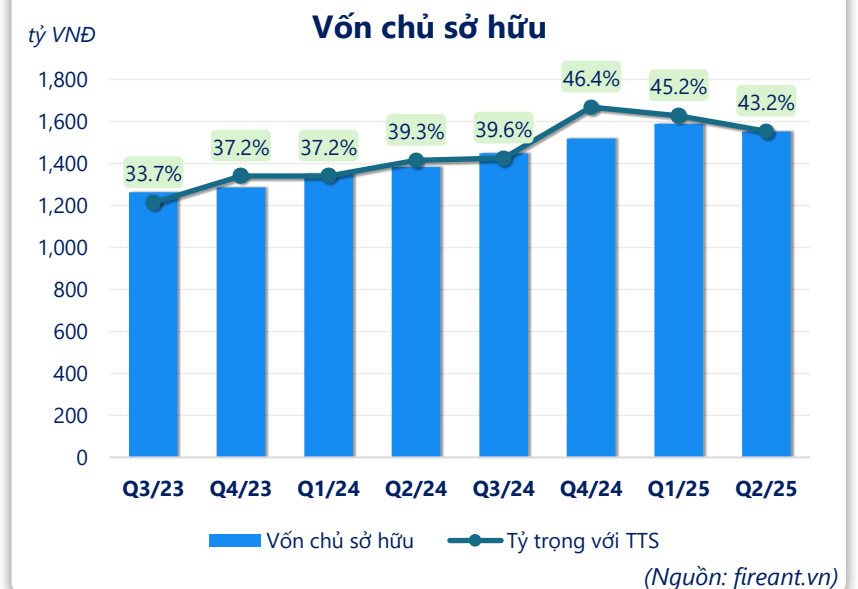
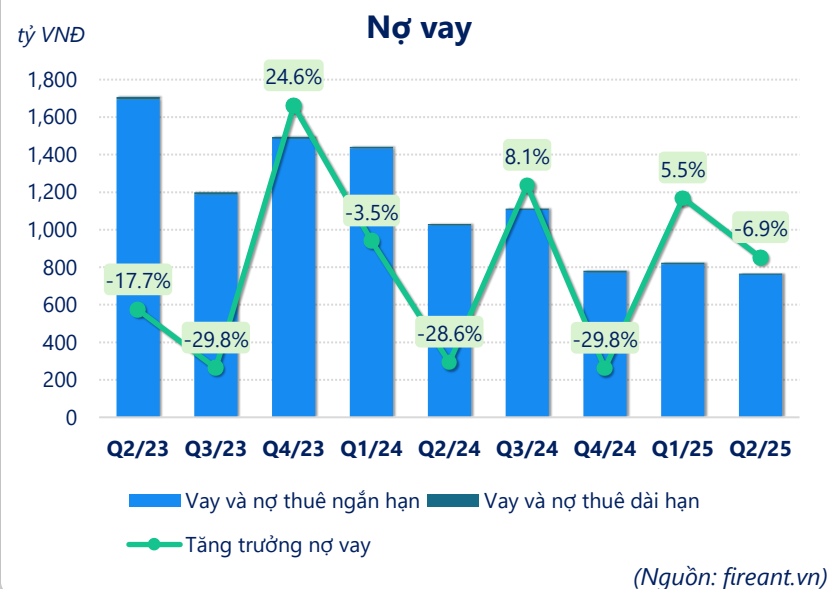
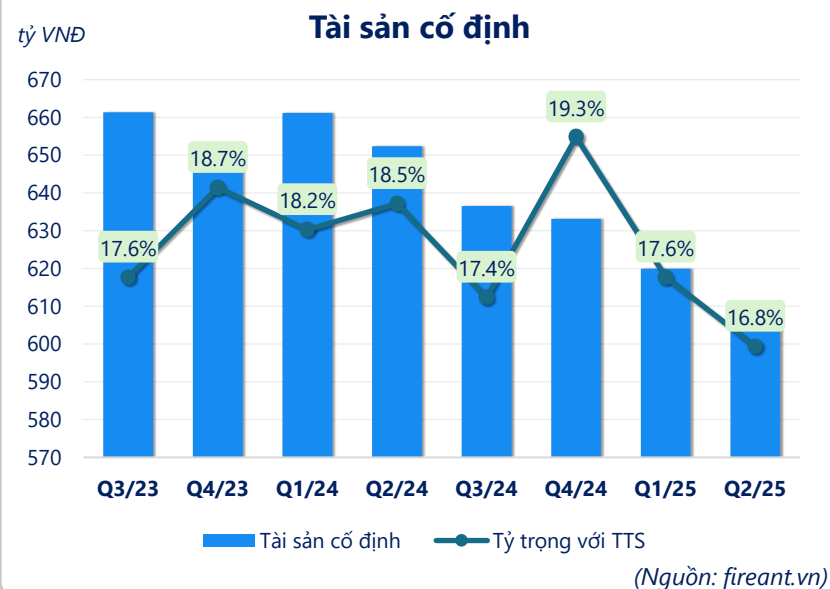
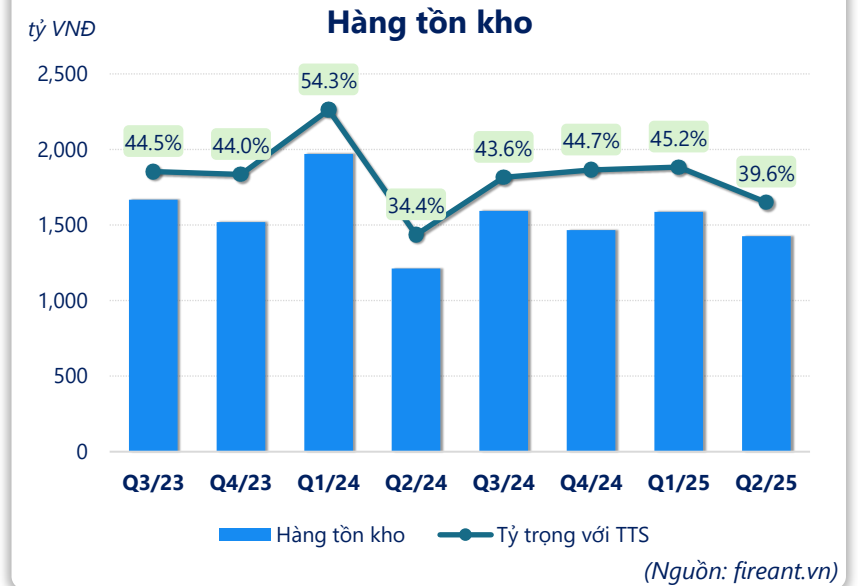
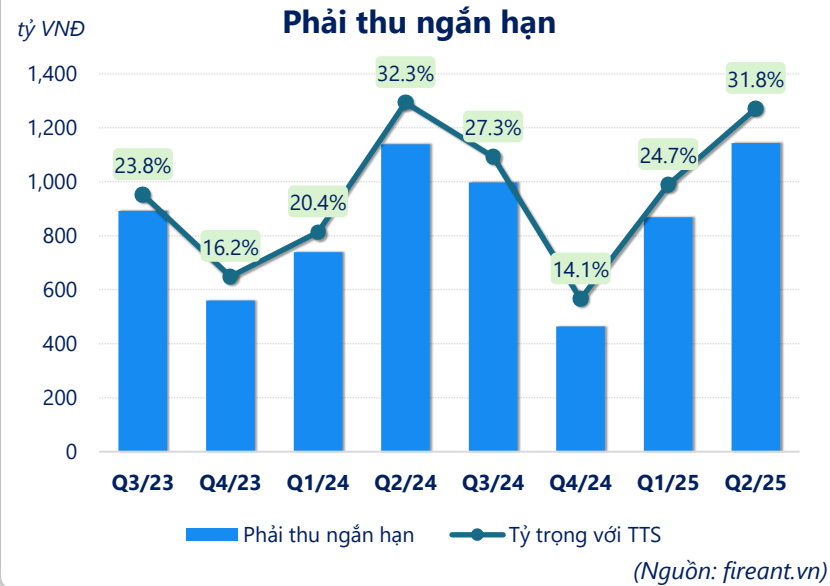
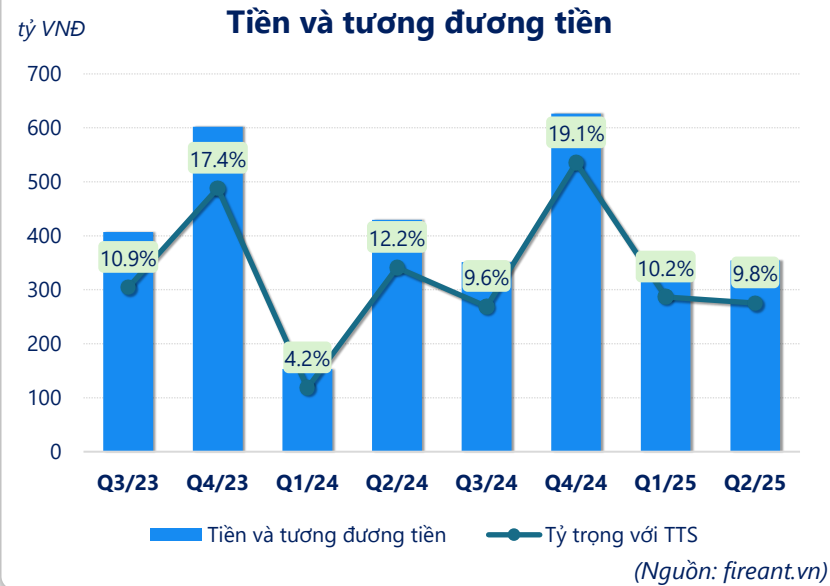
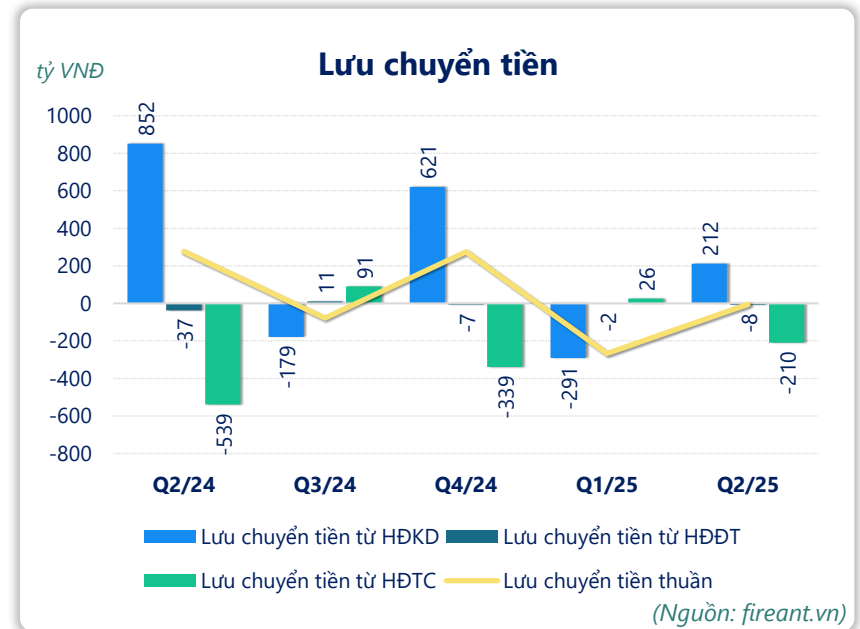
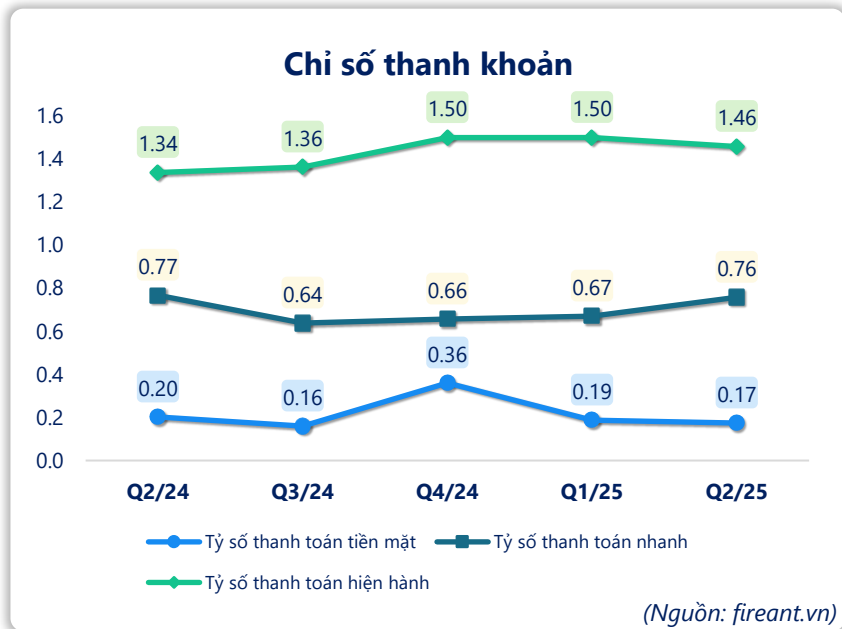
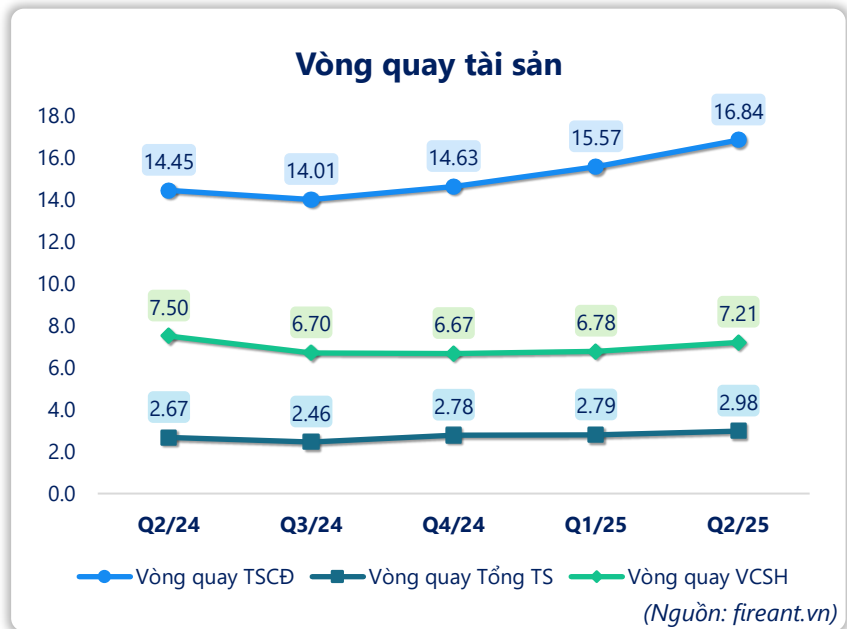
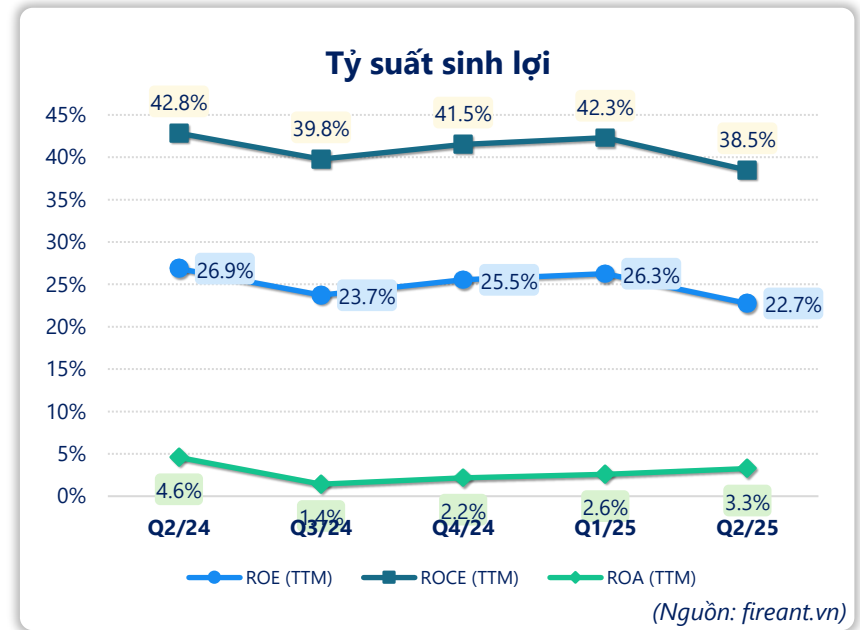
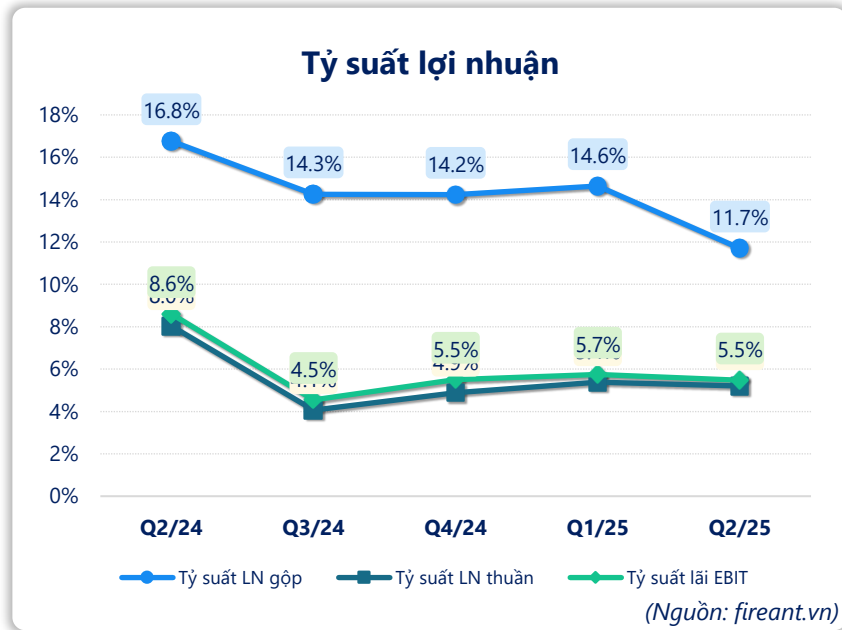
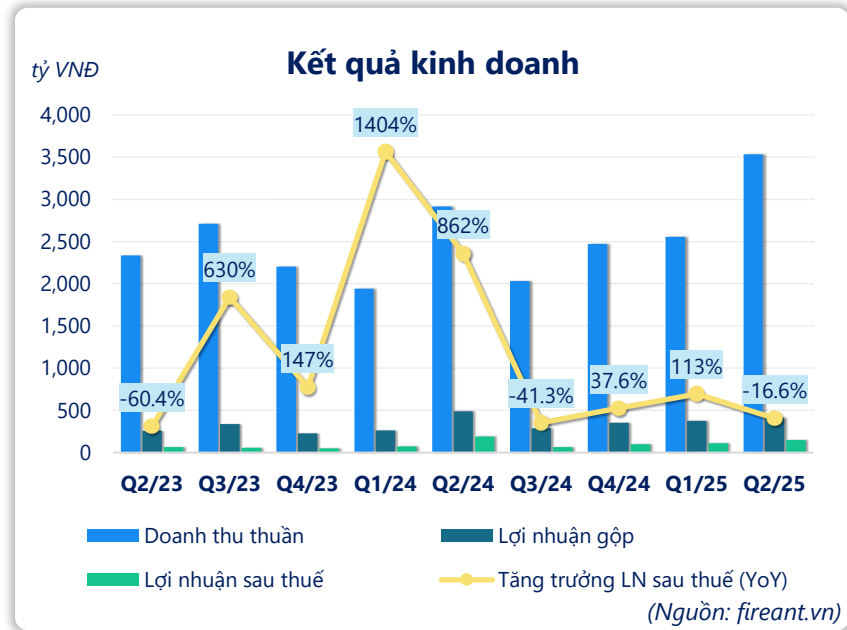


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		46,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,613
SL cổ phiếu LH		57,167,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,146,125
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,667
P/E		8.0
EPS		5,845

	YTD	1T	3T	6T
BFC	21.4%	1.8%	22.0%	21.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,598	3,277	9.8%
Tài sản ngắn hạn	2,968	2,609	13.8%
Tiền và tương đương tiền	354	627	-43.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.50	10.5	-57.1%
Phải thu ngắn hạn	1,144	464	147%
Hàng tồn kho	1,426	1,466	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	39.1	42.0	-6.8%
Tài sản dài hạn	630	668	-5.8%
Phải thu dài hạn	4.66	4.65	0.2%
Tài sản cố định	605	633	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.44	7.68	9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.16	5.16	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.48	17.9	-63.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,044	1,760	16.1%
Nợ ngắn hạn	2,036	1,743	16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	759	772	-1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	640	468	36.9%
Nợ dài hạn	8.07	16.9	-52.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.07	9.29	-13.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,553	1,517	2.4%
Vốn chủ sở hữu	1,553	1,517	2.4%
Vốn điều lệ	572	572	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,916	2,031	2,471	2,554	3,535
Giá vốn hàng bán	2,427	1,741	2,119	2,180	3,121
Lợi nhuận gộp	489	289	352	374	413
Doanh thu HĐTC	8.34	3.96	11.2	4.68	7.68
Chi phí TC	26.5	19.9	21.9	12.2	19.7
Chi phí lãi vay	16.5	11.4	11.2	9.20	8.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	184	124	163	184	146
Chi phí QLDN	52.8	67.0	56.6	45.1	72.3
LN thuần từ HĐKD	234	82.6	121	138	184
Lợi nhuận khác	0.05	-1.62	3.90	-0.08	0.85
LN trước thuế	234	80.9	125	137	185
Lợi nhuận sau thuế	190	64.3	99.9	111	148
LNST của CĐ cty mẹ	168	52.7	73.1	92.6	116

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	852	-179	621	-291	212
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.7	10.8	-7.47	-1.72	-7.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-539	90.5	-339	25.6	-210
Tiền đầu kỳ	153	429	351	627	359
Lưu chuyển tiền thuần	276	-78.0	275	-267	-5.38
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.03
Tiền cuối kỳ	429	351	627	359	354

(Nguồn: fireant.vn)